TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày: 30-07-2024.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà PHẠM YẾN NHƯ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

2. Bà ĐẶNG THỊ HIỆP

- Thư ký phiên toà: Bà TRIỆU THẢO TRANG - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh L *tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Bảng.

Ngày 30 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 05/2024/QD0-HPT ngày 10.7.2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Thành A** - Sinh 1992; Trú tại: Số 270, H, xã T, huyện D, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông **Lương Anh T,** sinh năm 1952 bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1960; Trú tại: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh L.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông A vắng mặt có đơn xin hoà giải, xét xử vắng mặt, bị đơn vợ chồng ông T bà H vắng mặt không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản khai và đơn xin hoà giải, xét xử vắng mặt nguyên đơn ông A trình bày:*

Vào ngày 4/10/2023 bà H và chồng là ông T có đến vay tôi số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và thời hạn trả là ngày 14/10/2023. Nhưng đến nay đã hết thời hạn thanh toán nhưng ông T bà H không thực hiện việc trả tiền cho tôi dù tôi đã nhiều lần yêu cầu, đến nhà tìm nhưng vợ chồng ông T bà H trốn tránh, không thiện chí thực hiện nghĩa vụ.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc vợ chồng ông T bà H hoàn trả cho tôi số tiền gốc 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/10/2023 cho đến khi có phán quyết của Toà án theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định. Ước tính khoảng 8.000.000đ/tháng x số tháng chậm trả.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn vợ chồng ông T bà H* ***đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc và cũng không gởi văn bản trình bày ý kiến, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn ông T bà H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu vợ chồng ông T bà H hoàn trả cho tôi số tiền gốc 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/10/2023 cho đến khi có phán quyết của Toà án theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định. Ước tính khoảng 8.000.000đ/tháng x số tháng chậm trả.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện Đ phát biểu:*

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, thực hiện đúng các yêu cầu về trình tự thủ tục từ khai mạc phiên tòa, thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 68, 70, 71 BLTT dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A, buộc vợ chồng ông T bà H phải trả cho ông T số tiền gốc 550.000.000đ và tiền lãi quá hạn theo quy định tính từ ngày 14/10/2019 cho đến ngày 30/7/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* giữa nguyên đơn ông A và bị đơn vợ chồng bà H ông T cư trú tại Thôn A, xã L, huyện Đ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L.

[2] Về tố tụng: Đối với bị đơn vợ chồng bà H ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Xét "*Hợp đồng vay tiền"* ngày 4/10/2023 (tên người cho vay ông A, người vay là vợ chồng bà H ông T, số tiền vay là 550.000.000đ) bản gốc do ông A xuất trình, qua tin nhắn đòi nợ giữa ông A và bà H; Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt đầy đủ giấy tờ cho ông T bà H ….Xác định được việc vợ chồng bà H ông T vay tiền từ ông T 550.000.000đ là có thật. Yêu cầu khởi kiện của ông T có cơ sở chấp nhận.

*** Về lãi suất:** Ông A yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 550.000.000đ, theo mức lãi suất quá hạn tính từ tháng ngày 14/10/2019 đến ngày xét xử là.

Xét thấy trên Hợp đồng vay tiền ngày 4/10/2019 thể hiện mức lãi suất là 15%/tháng là quá cao. Tuy nhiên phía bị đơn chưa trả đồng nào nên không xem xét. Theo thời hạn thì sau 10 ngày tức ngày 14/10/2019 phải trả nhưng bị đơn không trả nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất quá hạn. Yêu cầu tính lãi suất quá hạn được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 468 là 1.666%/tháng. Tính từ ngày 14/7/2019 cho đến ngày xét xử 30/7/2024 là 57 tháng.

Cụ thể (550.000.000đ x 1.66%) x 57 tháng = 520.410.000đ (Năm trăm hai mươi triệu bốn trăm mười ngàn đồng).

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, qua xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A. Buộc vợ chồng bà H ông T có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền gốc 550.000.000đ + 520.410.000đ tiền lãi là có căn cứ đúng pháp luật.

Tổng cộng cả gốc và lãi ông T bà H phải trả cho ông A là 1.070.000.000đ (Một tỉ không trăm bảy mươi triệu đồng).

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông T bà H phải chịu án phí DSST trên số tiền phải trả cho ông A. Tuy nhiên ông T bà H là người cao tuổi, vì vậy được miễn án phí dân sự sơ thẩm phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A. Buộc vợ chồng bà H ông T có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền 1.070.000.000đ (Một tỉ không trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về án phí: Hoàn trả cho ông A số tiền 13.160.000đ ông A đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003335 ngày 27/11/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- TAND tỉnh L.
- VKS H.Đ, T. L.
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, T.L.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Yến Như